

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/01/2024.

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quốc Kỳ và bà Nguyễn Thanh Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX - ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Đình T - Sinh năm 1978; (vắng mặt có lý do)

Bị đơn: Chị Lê Thị D - Sinh năm 1983; (vắng mặt không có lý do);

Cùng cư trú tại: Xóm NT, xã NP, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/10/2023, ý kiến tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình T và chị Lê Thị D đăng ký kết hôn ngày 18/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã NP, huyện Kỳ Sơn nay là huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh T và chị D về sống tại xóm NT, xã NP, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống không hợp nhau, năm 2021 chị D đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình, chồng, con hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau 03 năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị D.

Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung, cháu thứ nhất là Trần Phương Linh, sinh ngày 26/6/2001 và cháu thứ hai là Trần Đình Văn, sinh ngày 20/6/2003, hiện tại các cháu đã trưởng thành (đã trên 18 tuổi), sức khỏe các cháu

tốt phát triển bình thường, đang ở cùng anh T và không bị hạn chế về năng lực, hành vi trách nhiệm dân sự nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị D thường không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành xác minh được biết chị D đi đâu không khai báo với chính quyền địa phương, tuy nhiên chị D vẫn về qua nhà và có nhắn tin và gọi điện qua điện thoại với anh T nhưng không cho anh T biết địa chỉ cụ thể chị đang ở đâu. Xét thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp tổng đạt và niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị D vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không thể ghi nhận được lời khai của chị D.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng cơ bản là do quan điểm sống không hợp nhau, chị D không quan tâm đến gia đình, chồng, con, đi làm ở đâu không cho ai biết dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, chị D vẫn có hộ khẩu tại địa phương nhưng chị D đi đâu làm gì không rõ, thỉnh thoảng có về qua nhà rồi lại đi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Trần Đình T được ly hôn với chị Lê Thị D. Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung, cháu thứ nhất là Trần Phương Linh, sinh ngày 26/6/2001 và cháu thứ hai là Trần Đình Văn, sinh ngày 20/6/2003, hiện tại các cháu đã trưởng thành (đã trên 18 tuổi), sức khỏe các cháu tốt phát triển bình thường, đang ở cùng anh T và không bị hạn chế về năng lực, hành vi trách nhiệm dân sự, anh T không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Trần Đình T khởi kiện chị Lê Thị D là vụ án dân sự tranh chấp “ ly hôn”, căn cứ vào các biên bản xác minh và Xác nhận thông tin về nơi cư trú của chính quyền địa phương, xác nhận: Chị D có nơi cư trú tại xóm NT, xã NP, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa ngày 12/01/2023, nguyên đơn anh Trần Đình T có mặt, bị đơn chị Lê Thị D vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, nên HĐXX hoãn phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn anh Trần Đình T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là chị Lê Thị D đã được Tòa án niêm yết các văn bản giấy tờ hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy trích lục kết hôn ngày 05/10/2023, do UBND xã NP, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đình T và chị Lê Thị D là hợp pháp. Trong quá chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc quan điểm sống không đồng thuận, chị D bỏ đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình, chồng, con. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Chị D và anh T không hợp nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau, chị D bỏ đi làm ăn xa, không quan tâm đến chồng, con, hiện tại anh T và chị D đã sống ly thân nhau 03 năm nay, cả hai không còn quan tâm gì đến cuộc sống, sinh hoạt của nhau đúng như anh T đã trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị D đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng chị D cố tình vắng mặt. HĐXX xét thấy: Hôn nhân giữa anh T và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Đình T.

[3]. Về con chung: Xác định anh Trần Đình T và chị Lê Thị D có 02 con chung, cháu thứ nhất là Trần Phương Linh, sinh ngày 26/6/2001 và cháu thứ hai là Trần Đình Văn, sinh ngày 20/6/2003, hiện tại các cháu đã trưởng thành (đã trên 18 tuổi), sức khỏe các cháu tốt phát triển bình thường, đang ở cùng anh T và không bị hạn chế về năng lực, hành vi trách nhiệm dân sự, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về tài sản chung: Anh Trần Đình T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Anh T xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

Chị Lê Thị D vắng mặt không có lời khai về tài sản chung và công nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 107 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Trần Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 107; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Đình T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình T được ly hôn với chị Lê Thị D.

2. Về con chung: Xác định anh Trần Đình T và chị Lê Thị D có 02 con chung, cháu thứ nhất là Trần Phương Linh, sinh ngày 26/6/2001 và cháu thứ hai là Trần Đình Văn, sinh ngày 20/6/2003, hiện tại các cháu đã trưởng thành (đã trên 18 tuổi), sức khỏe các cháu tốt phát triển bình thường, đang ở cùng anh T và không bị hạn chế về năng lực, hành vi trách nhiệm dân sự, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Đình T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về công nợ chung: Anh T xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003064, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- THADS huyện Cao Phong;
- UBND xã NP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh

